

PHẬT-GIÁO HỘI
ASSOCIATION BOUDDHIQUE



Emm

ĐUỐC - TUỆ

TUẦN BÁO RA NGÀY THỨ BA

Báo quán ở chùa Quán-Sứ phố Richard, Hanoi

慧 燭 報

Chủ nhiệm
NGUYỄN-NANG-QUỐC
Chủ tịch hội trưởng
hội Phật-Giáo
Quản lý
CUNG-DÌNH-BINH

Chánh chủ bút
PHAN-TRUNG-THU
Sư cụ chùa Bằng-Sở
Phó chủ bút
DUONG-VAN-HIEN
Sư cụ chùa Tổ-Gát



GIÁ BÁO :

CẢ NĂM : 1 \$ 00 — NỬA NĂM : 0 \$ 50 — MỖI SỐ : 0 \$ 03

Kính trình các hội-viên hội Phật-giáo và các vị độc-giả báo « Đuốc-tuệ »

Ngài nào dời chỗ ở thì xin gửi thư về ngay nói cho chúng tôi biết để tiện gửi thư từ báo sách khỏi thất lạc xin các ngài nhớ kỹ cho.

Kính trình các giáo-hữu hội-viên hội Phật-giáo

Báo « Đuốc-tuệ » ấn-hành là cốt điển-dịch những kinh sách nhà Phật để cho thập phương thiện tín cùng hiểu thấu giáo-lý mà tu hành. Báo ra mỗi năm 52 quyển, hội chỉ lấy vừa đủ tiền in có một đồng bạc; ai cũng nên và cũng có thể mua xem được cả.

Vậy kính trình các giáo-hữu ai đã nhận mua báo rồi thì xin đem tiền giá tại ông chánh đại-biểu địa-phương mình mà lấy giấy biên lai; ai chưa nhận mua báo thì xin biên rõ tên họ và chỗ ở giao tại ông chánh đại-biểu địa-phương mình hay là gửi thẳng về chùa Quán-sứ Hanoi để chúng tôi gửi báo tới.

Kính trình các vị chánh đại-biểu đại-lý hội Phật-giáo ở các địa-phương

Chúng tôi xin gửi ngài một quyển biên-lai nhận tiền báo để ai gửi giá tiền báo thì ngài biên lai thu giùm cho. Trong số hội-viên ở địa-phương ngài ai chưa mua thì xin ngài gia công khuyến hóa giúp, rất cảm ơn ngài.

BẢN BÁO KHẢI SỰ

Vì mấy số báo đầu hết cả vậy từ nay ai mua năm hoặc mua nửa năm, chúng tôi xin gửi từ số 15 trở đi mà hạn mua báo sẽ kể bắt đầu từ đây.

Thư từ và mandat xin nhớ gửi cho ông Cung-đình-Bính quản-lý báo Đuốc-tuệ chùa Quán-sứ, phố Richaud Hanoi.

HỌC TIỂU-THẠNG VÀ ĐẠI - THẠNG

(Tiếp theo số 27)

TRƯỚC khi chưa có học Phật, ở Ấn-độ đã có đạo Bà-la-môn, mà so với đạo khác ở thời bấy giờ thì đạo này cao hơn và mạnh hơn hết cả. Song đạo này trọng về thuyết cá-nhân giải-thoát, mà chỉ cần tu khổ hạnh, để giải-thoát lấy một mình, trọng về thuyết tự-ngã tồn-tại, mà chỉ cần đến cõi đại-hồn-thiên, là chỗ cứu-cánh cùng tột; khi đức Phật-tổ mới xuất-gia, đã từng theo những thuyết này, mà chính là ngài đã nhận thấy rõ ràng ở trong cõi nhiều chỗ thấp hẹp, ngài mới lập nên đạo Phật tức là đạo Viên-mãn chính giác, để bỏ cứu những thuyết sai lệch của đạo Bà-la-môn. Ngài cho là tu hành cốt ở tâm thân thanh-tĩnh, để cho bản-thể dần dần sáng ra, chứ khổ khắc quá như ăn một hạt kê, uống một bát nước để độ nhật, cũng chẳng bổ ích gì, vả lại, giải-thoát một mình cũng chưa đủ, lại cần phải cầu sao giải-thoát cho cả chúng-sinh; hơn nữa, nếu cầu giải-thoát, thì đại-hồn-thiên chưa phải là cõi tồn-tại định trụ, dù đại-hồn-thiên có thật, thì chỉ là thiên đạo ở trong lục đạo, mà thiên-đạo còn là chỗ sinh diệt vô-thường, nghĩa là còn ở trong vòng luân-hồi, tức là thế-gian, cho nên ngài mới lập ra thuyết « xuất-thế-gian » là đạo giầy cho người ta tu đến chỗ giải-thoát vô-thượng và chỗ tồn tại vĩnh-viễn; xem ngay như lúc ngài mới truyền giáo, thì những đại-đệ tử ở cửa ngài phần nhiều là những tay tục họ ở bên Bà-la-môn cả. Tôn-chỉ của đạo Phật là cốt đem thuyết tự-giác giác-tha, và thường trụ bất hoại, để phá những thuyết cá-nhân giải-thoát và tự-ngã tồn-tại của đạo Bà-la-môn, song Ấn-độ là một xứ dân tộc hỗn tạp, giai-

cấp áp chế, lại chịu cái ảnh-hưởng của đạo Bà-la-môn đã sâu, tuy là theo đạo xuất-thế-gian, có thể làm tiêu tán được cái tư-tưởng thiên về thuyết đại-hồn-thiên, nhưng cái tư-tưởng cá-nhân giải-thoát, chưa thể đã một ngày mà trừ bỏ ngay được. Cho nên sau khi đức Phật-tổ nhập tịch được ít lâu, đại tiểu thặng chia làm hai phái, mà dần dà phái tiểu-thặng lại lũng áp cả phái đại-thặng, gây thành một cái thế-lực rất to, là vì theo về mặt cá-nhân giải-thoát thì học tiểu-thặng đối với tình tình dân Ấn-độ, rất là thích hợp và dễ-tuyên-truyền, dù rằng đã có những bậc đại-đức như ông Mã-Minh ông Long-Thụ từng cố sức hô-hào, muốn để cho học đại-thặng lại chấn-hung lên, song cũng không được nhiều tín đồ hưởng-ứng vậy.

Còn như Trung-quốc là một dân-tộc khoáng đạt hào mai, trước khi chưa có học Phật, đã có học Lão là một môn tự-nhiên triết-học rất cao, học Khổng là một môn xã-hội triết-học rất rộng; hai môn này gồm cả hình-nhi-hạ và hình-nhi-thượng, đã xét thấu những chỗ suy-di thiên-chuyển của nhân-loại, và những lẽ biến hóa vô thường của tạo-hóa cùng vạn vật, gây thành cho dân-tộc Trung-quốc những nguồn tư-tưởng biết lấy tư-cách thanh-cao để lập thân, biết lấy lòng lân-mẫn từ-thiện đối với đồng loại. Bên Lão chuộng tịch mặc, tức là hợp với phép thuyên-dịnh, bên Khổng chuộng trung-thứ, tức là hợp với nghĩa từ-bi, cho nên khi học Phật truyền vào Trung-quốc, không những có giúp được nhiều sự phát-minh, sự khảo cứu và sự lĩnh-hội cho hai phái Khổng, Lão, mà ngay trong hai phái này cũng có nhiều người quay về theo Phật-học, rồi lại biệt lập ra những phái đại-thặng rất cao, đó là tự tính tình người Trung-quốc, có thể thu tập hấp thụ được những tư-tưởng thuộc về đại-thặng, dễ dàng hơn là tiểu-thặng vậy.

Theo những lẽ đã lược giải ở trên này, một học-thuyết lập ra ở xứ nào tất là phải thích hợp với tình thế ở xứ ấy, thì mới cơ-sở vững bền, và thế-lực phát triển càng ngày càng mạnh lên, đạo Phật ở Ấn-độ nổi sau lúc còn nhiều tích-tập của giáo Bà-la-môn, thế tất phải chuyên về tiểu-thặng, mới lợi cho cách tuyên truyền; đạo Phật vào Trung-

quốc, dung hòa ngay được với tinh-thần Khổng Lão, thế tất phải quay về đại-thặng; nếu không thế thì học « duy-thức » và học « đại-thặng khởi-tín » vốn phát-minh ra ở Ấn-độ, đều thuộc về đại-thặng, sao ở Ấn-độ lại ít người học, học « câu-sả » và « thành-thực » vốn truyền vào Trung-quốc, đều thuộc về tiểu-thặng, sao ở Trung-quốc lại ít người theo? Vậy ta thấy Ấn-độ là chỗ đệ-nhất trung-tâm-diềm của Phật-học, thì phần nhiều thuộc về tiểu-thặng, mà các xứ ở chung quanh Ấn-độ, như Tiêm-la, Diến-diện, Tích-lan, đều theo về Ấn-độ phái, Trung-quốc là chỗ đệ-nhị trung-tâm-diềm của Phật-học, thì phần nhiều thuộc về đại-thặng, và các xứ ở chung quanh Trung-quốc như Cao-ly, Nhật-bản và nước ta, đều theo về Trung-quốc phái, rồi về sau lại tùy theo tinh thế từng chỗ, hoặc mỗi phái chủ-trương một thuyết, lập ra nhiều sơn-môn, như những bộ của Ấn-độ phái, những tôn của Trung-quốc phái, hoặc hợp với thờ-giáo, (1) lập ra các phái khác, như ở Mông-cổ, Tây-tạng, Đài-loan, tuy là theo giáo Phật, nhưng cả hình-thức và tinh-thần, đều biến thiên hoán cải đi nhiều, tinh tinh tập ở từng chỗ đã khác nhau, thì cách lập giáo ở từng chỗ cũng không giống nhau, đó là lý thế tất nhiên, ta không nên lấy làm lạ vậy. Nay ta đứng về phương-diện khảo-cứu và phê-bình, ta có nên bài-xích học tiểu-thặng và tôn sùng học đại-thặng không? Ta thường thấy bên đại-thặng lập luận, hay dùng chung hai tiếng phạm-tiêu 凡小, có ý cho tiểu-thặng gần ngang hàng với phạm-phu, và có khác nhau cũng không xa nhau mấy, như gọi là phạm-tiêu bát-đảo (2) 凡小八倒, phạm-tiêu nhị biên (3) 凡小二邊, ta có lẽ tưởng là đại-thặng và tiểu-thặng cách nhau một vực một trời, mà hơn kém

(1) Tôn-giáo ở từng xứ, lưu truyền đã lâu ngày.

(2) Tám điều sai lầm của phạm-phu và tiểu-thặng, như vô thường kể thường, vô ngã kể ngã, là sự điên đảo của hạng phạm-phu, thường kể vô thường, ngã kể vô ngã, là sự điên đảo của phái tiểu-thặng.

(3) Hai bên sai lệch như phạm-phu giữ ngã-chấp, tiểu-thặng giữ pháp-chấp.

nhau xa lắm, song nếu ta bình tâm mà xét cho kỹ, thì tiểu-thặng là cái thang bắc cho noi lên đại-thặng, đề ta có thể từ chỗ thấp noi đến chỗ cao, hai học vấn cùng đi vào một con đường giác vậy, những phạm-phu mê muội, bám chặt lấy ngã-chấp 我執, cho thị dục là lý tự nhiên, cạnh tranh là lệ thiên-diễn, lẩn lộn ở trong vòng sinh tử luân hồi, đời đời kếp kiếp, không hề làm gì, đến như học tiểu-thặng là đã bắt đầu vào đạo, là những bậc thanh-vấn 聲聞 và duyên-giác 緣覺, đã phá tan được ngã-chấp của hạng phạm-phu, nếu coi phạm-liễu gần ngang hàng với nhau, thật là quá khắt vậy. Đức Phật-tổ truyền giáo trong bao nhiêu năm, lúc nào cũng chu-chuẩn về tứ đế và thập nhị nhân-duyên, há không phải là nóng lòng sốt ruột, đào tạo lấy những bậc thanh-vấn và duyên-giác, để tiếp dẫn lấy bậc tiểu-thặng hay sao? Ngài cũng từng bài xích bậc tiểu-thặng, là vì lo rằng bậc tiểu-thặng tự mãn tự túc, không theo được phép bố-thí và tinh-tiến ở trong phép lục-độ, chỉ tu đến La-hán mà không cố gắng tu đến Bồ-tát, để hoàn thành được chính-giác viên-quả, tế-độ cho hết thầy chúng sinh, thực ra ngài cốt ý nâng dắt bậc tiểu-thặng lên đến chỗ cao, chứ không phải là ngài định gác tiểu-thặng ra ngoài; ngài coi phạm-phu cũng như hạng ngoại vọng cung tường (1) bậc tiểu-thặng cũng như thẳng đường (2) bậc đại-thặng cũng như nhập thất, (3) và chưa từng quá miệt, thị bên tiểu-thặng như các nhà theo về bên đại-thặng ở đời sau vậy. Chỗ khác nhau của hai phái đại tiểu thặng, là tiểu-thặng thì nhận ngã-không 我空 và pháp-hữu 法有, đại-thặng thì phá cả pháp và ngã, và giữ đạo trung, cho là còn có chân-như thì ngã không phải là không, còn có giả-hợp thì pháp không phải là hữu, cốt là theo từ lục-thức vào đến mặt-na là biệt-thức, a-lợi-giá là tạng thức, rồi tìm đến giác-hải, là chỗ bất sinh bất dục, tức là chỗ vô-thượng nét-bản, tuy có thiền thâm khác nhau thật, song ngã-giới bởi đâu mà lập ra, nếu không có ngã thì cần gì

(1) Đứng ở ngoài mà nhìn và không hiểu một tí gì.

(2) Vào đến nhà ngoài, là mới đến được chỗ nông chỗ gần.

(3) Vào đến nhà trong là đến được chỗ cao sâu.

ngũ-giới, ngũ-uẩn bởi đâu mà sinh ra, nếu không có pháp thì lo gì ngũ-uẩn, theo thứ-đệ trong đạo tu hành, trước hết là phải theo ngã rồi mới phá được ngã, theo pháp rồi mới phá được pháp, mà khi đã phá được cả ngã và pháp, thì mới hiểu thấu được những nhân-duyên giả-hợp và tìm đến chỗ chân-như, thiết tưởng nên cho là tiêu-thặng nổi liền với đại-thặng, và không nên cho là cách xa với đại-thặng vậy. Trong thế-gian, các thảo-mộc không phải toàn là tùng bách, các thổ-khoáng không phải toàn là kim ngọc, các khí-chất không phải toàn là thanh-hiền, cần khi của chúng-sinh đã có thượng trung hạ khác nhau, thì ai đã hồ đồ một bước vào ngay đại-thặng, thế thì học tiêu-thặng vẫn phải cần thiết để làm bước đường tiếp dẫn vậy. Và lại cái họa-doan của thế-giới, là bởi ngã-chấp, vì ngã-chấp mới sinh ra nổi thị-đục, gây nên nền tư lợi, dựng nên tình thế cạnh tranh, khi đã bám chặt vào ngã-chấp, mới câu nệ vào pháp-chấp, rồi mới thành ra có nhiều chủ-nghĩa và giáo-lý thiên lệch về từng bên một, vậy muốn cho đạo Phật có công quả lớn lao, để ngăn cản cái họa-doan của thế-giới, trước nhất phải trừ hẳn cái bệnh căn triền miên, cái ma-chướng khổ sở là ngã-chấp, mà muốn phá hẳn cái ngã-chấp tất phải cần đến học tiêu-thặng. Thuyết-giả viết bài này, không phải là cố ý tá-đẫn cho học tiêu-thặng, song một là nhân xem những nhà đại-thặng ở phái trung-quốc có ý bài xích khí quá đối với tiêu-thặng, hai là trộm nghĩ tình thế hiện thời, quá thiên về chủ-nghĩa cá-nhân, thành ra tự-do là tự-do cân, bình-đẳng là bình-đẳng giả, bác ái là bác ái hão, đến nỗi cho luân-thường là hủ lậu, đoàn-thể là cừ thù, vậy việc cần cấp thứ nhất là phải làm sao cho cái chủ-nghĩa cá-nhân bớt đi dần dần, cá-nhân tức là ngã-chấp, cho nên mới giám quả-quyết cho là học tiêu-thặng chính là một phương thuốc cứu thời rất thần-diệu vậy. Mong rằng những nhà hữu tâm về phật-học, không nên câu chấp về văn-tự ngôn thuyết của phái đại-thặng, mà quá khinh rẻ bên tiêu-thặng, cốt là làm sao cho hai phái dung hòa làm một, dùng tiêu-thặng làm bậc cơ-thủy, dùng đại-thặng làm bậc cao-siêu, ai theo được tới đại-thặng thì rất là hay lắm, ngộ ai vì căn-khí kém thấp, chỉ theo được

tiểu-thặng, cũng không phải là không có nhiều điều bổ ích cho cá-nhân, may ra nhờ cơ-duyên và phương-tiện, dầu đại-thặng dầu tiểu-thặng, hai phái truyền bá ra khắp thế-gian, dễ gây nên một phong hội đại-dồng cho cả chúng-sinh, há không phải là đại-nguyện của các bậc thiện-tri thức và đại hạnh-phúc cho cả cõi đại lục này ?

H ẾT

BÙI-KỶ

CÁC TƯỢNG PHẬT THỜ TRÊN CHÙA

(Tiếp theo)

12. — Tượng hai vị Hộ-pháp 護法

Các chùa, hai gian bên nhà tiền-đường, trước điện Phật thường có hai pho tượng hình vũ-sĩ, mặc áo giáp, đội mũ trụ, có chùy thì tạc tượng đứng thị-lập cầm kiếm, nhưng phần nhiều chùa thì đắp tượng to lớn cưỡi sấu, một vị tướng-mạo nhân-tử và một vị tướng-mạo oai-nghiêm, tục bèn gọi là ông *Thiện* và ông *Ác*. Bởi vậy có thuyết nói : Ông *Thiện* và ông *Ác* là con vua nước Ba-na-lại, ông *Thiện* là con bà cả, tên là *Thiện-hữu* 善友 tính nhân-tử thương em thương người, ông *Ác* là con bà bé tên là *Ác-hữu* 惡友 tính tàn ác, chỉ trưc giết anh tranh ngôi, sau bị anh cảm-hóa hồi tâm hướng đạo mà được cùng anh cùng thờ ở chùa. Đó là nhân ở trong kinh nói : ông *Thiện-hữu* là tiền thân Đức Thích-ca, ông *Ác-hữu* là tiền thân của ông *Đề-bà-đạt-đa*, lúc Đức Thích-ca thành đạo đi giáo-hóa chúng-sinh, ông *Đề-bà-đạt-đa* cũng chỉ chực hại Phật, sau mới qui Phật ngộ-đạo. Nhưng xét ra nhận như thế là sai, vì thấy tục gọi là ông *Thiện* và ông *Ác*, lại thấy trong kinh nói sự tích ông *Thiện-hữu* và *Ác-hữu*, nhân đồng danh thì phụ hội vào cho có truyện, chứ thực ra thì hai vị tượng ấy chỉ là hai vị Hộ-pháp Thiên-thần trong các Kim-cương Thần-tượng mà thôi.

Sách Phật-học Từ-diễn nói tượng Kim-cương lực sĩ tức là thần Dạ-soa 夜叉 hay là Dược-soa 藥叉, tay cầm gậy kim-cương giữ cửa thiên-cung của vua Đê-lhích. Tới khi Phật ra đời thì các tướng ấy cũng xuống cõi Diêm-phù-đề để hộ vệ cho Đức Thế-tôn mà canh giữ nơi đạo-tràng. Cũng gọi là tướng Kim-cương Mật-tích 金剛密迹. Kinh Kim-quang minh-phẩm Quĩ-thần nói : « Kim-cương Mật-tích Đại Quý-vương cùng quyến-thuộc 500 đồ-dãng, hết thấy đều là những bậc Đại-bồ-tát và đều ủng-hộ cho những người nghe đọc kinh này ». Bởi thế cho nên tự cổ hai vách cửa chùa có đắp hai vị Kim-cương lực-sĩ tức là hai vị Kim-cương Mật-tích vậy. Đời thường gọi hai vị ấy là Nhị-vương (hai ông vua).

Sách Ti-nại-gia tạp-sử cũng nói : « Sau khi ông Cấp-cô Trương-giả 給孤長者 mua vườn cúng Phật rồi, ông nghĩ nhà tình-xá không vẽ thêm hình gì thì không được trang-nghiêm. Ông hỏi, Phật bảo ông nên vẽ hai tướng Dược-soa ở hai bên vách cửa ». Cõi đó thì hai vị tượng hai gian bên chùa chính là hai vị Thiên-thần Hộ-pháp.

Hai vị này thường đắp bằng đất thó và to lớn đầy gian chùa, nên tục-ngữ có câu « To lớn bằng ông Hộ-pháp thó ». Vậy biết kinh điển đã thành thông-tục rồi, tục gọi ông Thiện và ông Ác tức là ông Khuyến thiện và ông Trìng ác mà gọi tắt đi đó, chứ không phải là ông Thiện-hữu và ông Ác-hữu.

13. — Tượng vị Thánh-tăng 聖僧

Trong sách Tượng-khi 像器 (sách dạy làm tượng) nói : « Giữa nhà Tăng-đường trong chùa có bày một vị tượng đề thờ, gọi là tượng đức Thánh-tăng. Nhưng chính tên của đức Thánh-tăng ấy thì không nhất định. Những chùa về phái Đại-thừa thì thờ vị Thánh-tăng ấy là Đức Văn-Thù, còn chùa về phái tiểu-thừa thì thờ vị Thánh-tăng ấy là Đức Kiền-trần-như, hoặc là Đức Tân-dầu-lư, hoặc là Đức Đại-ca-diếp, lại hoặc là Đức Tự-hồ-đề. Tùy ý thờ vị nào cũng được không câu trấp ».

Các chùa ở nước ta thì về gian đầu bên tây nhà tiền-

đường bày tượng thờ vị Thánh-lăng mà gọi là Đức A-nan (xem sự tích ngài ở mục Chư Phật, Chư Bồ-tát).

14. — Tượng vị Thổ-địa 土地

Thổ-địa hay là Thổ-địa thần, là vị thần giữ gìn cõi đất. Thần này do điển lễ Trung-quốc tự đời Xuân-thu đã có thờ. Sách Công-đương-truyện-cổ 公羊傳註 nói: «Thần Xã là thần chủ coi cõi đất 社者土地之主», cho nên thần thờ ở các làng tục cũng gọi là thần Thổ-địa. Sau trong các chùa phương Đông-Á cũng đều thờ Thổ-địa thần. Sách Tượng khí nói: «Thổ-địa dương 土地堂 tức là nhà tiền-đường, thờ Thổ-địa thần và Hộ-pháp thần, mà ban thờ Thổ-địa thần thì ở mé đông Phật-điện, tục ta gọi là ban thờ «Đức Chúa». Đức Chúa tức nghĩa là chủ coi cõi đất. Vì đời cho rằng Phật đại-từ-bi không xá những kẻ tham luyến của mình, thế mà tài-sản khí-vật của chùa tuy là của công nhưng chỗ công không có quyền-uy gì để đủ giữ gìn lấy, nên phải có Đức Chúa Thổ-địa ngài rất uy linh công-chính, ngài coi giữ hết thảy tài-sản khí-vật cho chùa, ai xâm phạm đến một tí gì của chùa là ngài hành phạt một cách rất nghiêm ngay, cũng nhờ thế mà của chùa ít bị kẻ gian tham trộm cắp chiếm đoạt. Bởi vậy tượng Đức Chúa hay là Thổ-địa thần tạc điện mạo phải rất uy nghiêm, kẻ trông phải rợn người mới đúng. Còn như tục thường tạc một ông già béo râu bạc mặt hiền, gọi là ông Thổ-địa thì sai ý nghĩa.

Một thuyết nói không phải là thờ Thổ-địa mà là thờ ông Trưởng-già Cấp-cô-dộc, vì ông mua vườn lập tinh-xá rước Phật về ở để thuyết-pháp giáo-hóa cho chúng sinh, trong nhà ngoài vườn nhất thiết khí-dụng ông đều cung cấp và coi sóc, nên Phật cho ông ngày sau làm Thần giữ tài-sản các nơi già-lam. Nhưng các chùa ít theo thuyết này, mà chỉ nhận thuyết trên kia như đã nói. Lại tục nói tượng Đức Chúa tức là Quan-Vũ nhà Hán, nên có tạc cả tượng Quan-Bình và Châu-Xương đứng hầu. Đó là người Tàu bịa đặt mà người nước ta cũng manh-tông, không có nghĩa lý gì.

15. — Tượng Long-thần 龍神

Sách Phật, về súc-sinh có loài rồng là khôn thiêng hơn hết, ở dưới Thủy-tế, thường biến-hiện lên làm hình người.

Vua trong loài rồng là Long-vương thuộc trong 8 bộ : Trời, Quỷ-thần, v. v. Những khi Phật thuyết-pháp, kinh nói Thiên-Long bát bộ 天龍八部 đều đến nghe, tức là các Chúa các tầng Trời và các vua Long-vương cùng sáu thứ Quỷ-thần khác nữa đó.

Long-vương với Long-thần là một, tượng Long-thần thường tạc hay là vẽ đầu người mình rồng, Long-thần trước nghịch với Phật, từng làm hãm hại Phật cho không thành chính-giác, nhưng không được, bèn qui Phật và hộ trì Phật-pháp, sách « Thích-ca ứng thế sự-tích » đã kể tường.

15. — Tượng bốn vị Kim-đồng 金童, Ngọc-nữ 玉女, và Thiện-tài 善財, Long-nữ 龍女.

Bốn vị Thi-giả của Phật và Chư Bồ-tát, thường tạc đối nhau, Kim-đồng với Ngọc-nữ, Thiện-tài với Long-nữ.

1° — Kim-đồng tức là Kim-diệu đồng-tử 金耀童子, con một nhà Bà-la-môn, còn bé đã tin Phật theo đi xuất-gia. Ngọc-nữ tức là Ngọc-gia-nữ 玉耶女, con dâu của ông Cấp-cô-độc, nghe lời Phật dạy biết sám-hối và qui Phật thụ-lời.

2° — Thiện-tài đồng-tử nghe lời Đức Bồ-tát Văn-thù bèn đi xam học 53 thầy mà đắc đạo thành Phật. Long-nữ là con gái vua Long-vương, mới 8 tuổi, được nghe Đức Văn-thù khi xuống thuyết-pháp ở long-cung, bèn ngộ đạo, trút lời long-thần hiện thành thân người, lên Linh-sơn qui Phật và đắc đạo

NGUYỄN-TRỌNG-THỤẬT

Khuyên mình tu Tịnh-độ

*Chán cảnh diêm-phù quyết xuất-gia,
Trải bao trăng xế tuổi thêm già.
Vô-mình đương vương vòng tham-ngã,
Bác ái chưa tròn nguyện giác-tha.
Kíp sám tu-lương sang Tịnh-độ,
Chớ ngại thuyền định niệm Di-đà.
Cổ công tu luyện hoàn nguyên bản,
Cực-lạc phương trời cũng chẳng xa.*

TÍ-KHIÊU THANH-GIẢN

LỊCH-SỬ CHÙA SƠN-THỦY (Ninh-Bình)

Bài diễn-thuyết của ông Đình-gia-Thuyết
diễn ở chùa Sơn-thủy (Ninh-bình)

*Na-mô A-di-dà Phật,
Bạch chư-vị Đại-đức,
Thưa liệt vị Giáo-hữu,*

Bước lên giảng-đàn, trước hết tôi xin thú, đối với Phật-giáo tôi chỉ là một tin-dở, một tin-dở mới nhập giáo, chứ thực xưa nay tôi chưa từng được đọc sách Phật, nghe kinh Phật, hiểu thấu tôn-chỉ của đạo Phật thế nào. Khoảng mấy năm nay, phong trào Phật-giáo, xói nổi ở nước nhà, nhất là từ ngày chi hội Phật-giáo thành-lập ở tỉnh ta, tuy tôi cũng vào hội, cũng đi dự lễ, nghe giảng, một đôi khi, hơn nữa, tôi cũng có đọc báo Đuốc-tuệ, nghe kinh Thiện-sinh, nhưng đọc đấy nghe đấy, mà chỉ như luồng gió thoảng qua, vì trần tâm tục cốt, công vụ gia đình, bấy nhiêu thứ đã làm cho tôi chẳng được thanh tâm, không có đủ thì giờ nghiên cứu.

Hôm nay, ông Chánh-dại-biêu giới-thiệu tôi ra hầu chuyện các giáo-hữu, bốp óc tôi không một chữ gì, thực xiết bao xượng-xùng, ngượng-ngịu. Nhưng ở đây cửa Phật thênh-thênh, mà các giáo-hữu với tôi, đều là con cái nhà Phật, tôi có thể tin được ở tấm lòng từ-bi hỷ-xả của các giáo-hữu, đánh bao ra hầu chuyện, có điều gì xơ xuất, xin các ngài cũng từ mẫn cho.

Thưa các Giáo-hữu,

Như trên tôi đã thú, tôi chưa có thì giờ nghiên cứu Phật-học, nên ngay những danh-từ số-mục, như tam-qui, ngũ-giới, ngũ-uẩn ngũ-trọc, tam-nghiệp, tam đồ, tam nghiêc-căn, tứ diệu-đế, cùng là những chữ niết-bàn, xá-ly, tỷ-khưu, bồ-tát, bát-nhã vân vân, tôi cũng chỉ hiểu bằng cách mập mờ, dù là những món phổ-thông, những chữ ngay đầu lưỡi. Vậy thời tôi tìm đâu ra được những vấn-đề khảo cứu về kinh-điển, đề hầu chuyện các ngài. Nếu giữa công-chúng, trước Phật-dật, mà tôi lại để chừng bắt bóng, múa mép

khua môi, chẳng kéo đắc tội với đức Như-lai, mang lỗi với các ngài, ầu là tội biết đầu tâu đấy.

Vâng, biết đầu tâu đấy, hôm nay tôi xin hầu chuyện các ngài bằng những điều ngay trước mắt trông thấy, đầu bài là:

« Lịch-sử chùa Sơn-thủy »

Cái đầu bài tuy tầm-thường và dung-dị, nhưng vẫn có tinh cách Phật giáo, và uống nước phải nhớ nguồn, đình nào chức đảm ấy, chúng ta cùng ngồi thị Phật trước chùa Sơn-thủy, mà nói về lịch-sử chùa Sơn-thủy, thiết tưởng các ngài cũng sẵn muốn nghe.

Nay tôi xin phép nhập đề :

Chùa Sơn-thủy, một ngôi chùa ở chân núi Cánh-diều, nói đến chùa Sơn-thủy, trước hết tôi hãy xin nói qua về lịch-sử núi Cánh-diều, Đại-nam-nhất-thống-chi chép rằng :

« Bình điền đột khởi thạch-sơn, trung nhất phong lối cao, tả hữu triển như diên thúy, cổ danh ».

Giữa đồng bằng đột lên một quả núi đá, chính giữa có một ngọn cao hơn hết, hai bên tả hữu rủ xuống như cánh chim diều-hâu, cho nên gọi là núi Cánh-diều. Cái hình ấy, tôi tưởng nếu trong sách không chép, thì chúng ta cũng có thể trông mặt đặt tên được.

Cái tên Cánh-diều, còn có một thuyết nữa, nhớ lại 12 năm trước, tôi còn ở Hà-nội, thường vào mượn sách trong trường Bác-cổ để tìm câu chuyện cũ nước nhà, tôi có được đọc một đoạn Dã sử chép rằng :

« Hồi nước ta nội thuộc nước Tàu, vua nhà Đường bỗ Cao-Biên sang làm Đốc-hộ An-nam, Biền là một nhà địa-lý chính tông lại có pháp thuật cao cường, thấy người bản xứ hay phản đối chính-phủ Tàu, Biền có ý muốn yểm triệt đi, thường dùng phép cỡi chiếc diều giấy bay đi khắp các nơi, xem những núi cao sông lớn nào có vượng khí, có thể sản xuất được những bậc anh-hùng, hào-kiệt đối thủ với quan Tàu, thì yểm bùa chôn dấu, làm cho long mạch hỏng đi, để tránh khỏi những tai nạn xảy ra cho người Tàu như hồi gặp các vua bà Trưng-nữ-vương cùng Triệu-âu. Một hôm chiếc diều giấy của Cao-Biên, bay đến quả núi này, chẳng

biết hẳn xui thánh phạt, hay ma trêu quỷ trách thế nào, mà chiếc điều giấy của Tiên bồng gãy cánh rơi xuống đất. Điều bị trọng thương phải trở về, đem theo một mối hoài nghi khằng khiếp, bởi đây mà núi Cảnh-diều mới thành tên. Nhưng cái thuyết này tôi chẳng dám tin, có thể cho là một thuyết hoang-đường, cũng như câu chuyện chùa Non-nước. tục truyền con gái vua Thủy-tề phải lòng anh thuyền chài, bị Long-vương đẩy lên hang núi ấy, thành ra có câu phong-đao « chung-quanh những chị em người, giữa chùa Non-nước mình tôi với chàng ».

Thế thời cái tên núi Cảnh-diều, ta nên nhận theo như thuyết trên, coi thuyết mà ta cũng có thể lấy làm con mắt tưởng-tượng hình dung được.

Núi Cảnh-diều có từ bao giờ, trong sách không thấy chép mà chép thế nào được, núi sông là của thiên-tạo địa thiết, chứ có phải của nhân-tạo đâu mà có kỷ-nguyên ? Nhưng tôi cũng xin nói rằng : Núi Cảnh-diều có đã hơn 4000 năm nay, nghĩa là bắt đầu trời mở Viêm-bang thời đã có núi Cảnh-diều, chúng ta có muốn tính tuổi núi Cảnh-diều, xin cứ tính từ đời Hồng-bàng là được.

Theo sách Hoàng-Việt địa-dư, thời núi Cảnh-diều là một trong 3 ngọn núi ở ngay nơi trị-sở Thanh-hóa ngoại-trấn, (Ninh-bình về đời Hậu-Lê, còn gọi là Thanh-hóa ngoại-trấn, địa-bản-triều Minh-mệnh năm thứ 13 mới đặt là Ninh-bình tỉnh), 2 ngọn núi nữa tức là núi Dục-thủy và Hồi-hạc ở ngay tỉnh lỵ ta bây giờ.

Núi Cảnh-diều tuy không được nhiều những tao-nhân mặc-khách dễ thơ, nhưng phong cảnh rất hữu tình, trèo lên đỉnh núi mà trông, bốn mặt đồng bằng bao-la bát-ngát, thành-phố Ninh-bình nhà san-sát như bát úp, núi Thúy núi Hạc 1 ăng-giăng trước mặt, sông Văn sông Đáy quần quoy đôi bên, đẹp hơn nữa là những con đường từ tỉnh ra núi, từ núi đi về ngã Yên-khánh, Kim-sơn, đường xe hỏa chạy suốt qua phía tây-nam, trông chẳng khác gì bàn cờ, quần cờ là những hành khách, những xe-cộ, ô-tô, làm tuyền mà lẫn ánh phồn hoa thành-thị.

Đó là thuộc về ngoại dung, mà nội dung của Cảnh-diều, còn chưa không biết bao cảnh-trí, trừ ra 3 ngôi chùa Sơn-thủy của chúng ta, tôi hãy xin gác lại, thời còn có di tích cụ Trương hân-Siêu chôn ở đấy, lúc cụ về hưu dưỡng; căn có dấu vết tòa Phương-đỉnh của vua Minh-mệnh ở đấy, khi ngự giá bắc-tuần; còn có 4 chữ « Vạn-thiên khỉ-tượng » là nét bút ngự chế khắc trên tấm đá ở đằng sau chùa Trung; còn có giếng nước thiên-tạo, có bia đề chữ « Thanh-linh thủy » ở ngoài kia; còn có đền thờ đức thánh Trấn-Võ của ba làng Yên-phong, Đại-phong và Bích-đào ở chân núi phía nam; lại còn có mạch nước ngọt ở góc núi phía tây do quan Công-sứ Grossin mới tìm ra trong khoảng năm 1925; mà biết đâu, biết đâu chẳng còn có nữa ở trên những chỗ cao, hay là ở dưới những hang sâu, nhưng ta chưa tìm thấy...

Ấy đấy, các giáo-hữu ta coi đấy, núi Cảnh-diều đấy tuy nhỏ, nhưng là một quả núi hữu danh tự cỡ mà chùa Sơn-thủy chúng ta ở ngay chân núi, phải chăng đức Phật anh linh, khuôn thiêng lựa lọc đã dành có nơi?

Đây tôi hãy xin đọc hai bài thơ đề núi Cảnh-diều, mà có nói cả đến cảnh chùa: một bài ngũ ngôn của cụ Quế-Đường đời Lê, thấy chép ở trong Hoàng-Việt văn-tuyển; một bài thất ngôn của quan Ân-sát Vũ (không rõ là Vũ gì), khắc ở vách đá sau chùa Hạ, niên-hiệu Thiệu-trị thất niên.

Bài của cụ Quế-Đường

Bình-diền toàn thốn bích,

平田攢寸碧

Hình thế từng phi diên,

形勢聳飛鳶

Tự ẩn tam sơn thượng,

寺隱三山上

Kiều thông nhất thủy tiền.

橋通一水前

TÔI XIN DỊCH THEO LỐI LỤC BÁT :

Đồng bằng một giải non xanh,

Xa trông thế núi như hình diều bay.

Ba chòm núi lẫn am mây,
Dưới dòng nước chảy qua đây có cầu.

Bài của quan Ân-sát Vũ

Nhất thốc thuyền quan ý thúy vi,

一簇禪關倚翠微

Ai bài diệu sảo phát chân ky,

挨排妙巧發真机

Phủ thiềm xương bích vân phu hợp,

覆蒼箱壁雲膚合

Bạng sế loan hồ Nguyệt bán huy,

傍砌彎湖月半暉

Giang nhân du ngư thanh kệ lạc,

江物遊魚清偈落

Thụ nhân túc điều tin trào hy,

樹開宿鳥信潮希

Công dư lạc đắc thiên nhiên thú,

公餘樂得天然趣

Thặng đới liên hương mãn tụ qui.

剩帶蓮香滿袖歸

BÀI NÀY XIN DỊCH THEO THỂ THƠ :

十 Cửa thiền một tốp dựa non xanh,
Xếp đặt khen ai khéo hữu tình,
Sối phủ tường che màu khói tỏa,
Thêm xây hồ cuốn bóng trăng thanh.
Cây ngàn im lặng chim về tổ,
Mặt nước rời rào cá lẳng kinh,
Mỗi buổi công nhân qua ngoạn cảnh,
Hương sen đầy túi trở về đình.

Đọc hai bài thơ trên này, đủ biết núi Cảnh-diều sở dĩ có danh, một phần lớn là bởi có cảnh chùa, mà chùa Sơn-thủy của chúng ta cũng nhờ có núi Cảnh-diều, nên đã trở nên một chốn danh-lam ở Ninh-bình. Cỡ-văn có câu : « Sơn bất tại cao, hữu liên tắc danh ». Núi chẳng cứ gì cao, hề có liên là nổi danh, cảnh chùa Sơn-thủy, tuy không phải

động tiên, nhưng đạo từ-bi bác-ái của đức Thích-ca, có ảnh-hưởng cho nhất thiết chúng-sinh trên mặt địa cầu, thời tôi tưởng Tiên nào bằng Phật.

Nhân tiện tôi xin nói qua câu chuyện Tiên và Phật. Tiên và Phật khác nhau ở chỗ hư và thực, Tiên thời hình như hư ảo, những nhà luyện phép tu tiên. mục đích chỉ là muốn trường sinh bất lão, nhưng cái kết-quả có hay không, không hay có, tôi không có thể biết, như những câu chuyện ông Từ-Thức gặp bà Giáng-Hương, ông Nguyễn-Viên gặp cụ Lão-Tử, cũng là chủ liêu-phu đứng xem hai ông lão đánh xong hai ván cờ, mà ngánh lại thời cái chuôi dĩa của mình đã nát, về đến nhà đã có cháu mấy đời, dẫu là chuyện của nước ta chép ở trong *Dã-sử*, tôi xin hỏi các giáo-hữu, chuyện đó có hay không? Bài thơ đề hang Từ-Thức của cụ Lê Quí-Đôn có câu rằng :

Hải thượng thần tiên sự điều mang,

海上神仙事渺茫
Bích-đào động khẩu thái hoang lương,

碧桃峒口太荒涼

Thế nhân khổ tác Thiên-thai mộng,

世人苦作天台夢

Thùy thức Thiên-thai diệc hí trường.

誰識天台亦戲場

DIỄN NÔM :

Trên bề thần tiên chuyện vắn vơ,

Cửa hang Bích-động khéo lơ mờ.

Thiên-thai ai những mơ màng giấc,

Há biết Thiên-thai một tấn trò.

Đến ngay cụ Bằng-nhân Đôn là nhà thông-thái nước ta, cũng còn cho thần-tiên là vắn-vơ, là lơ-mờ, là một tấn trò, thời ta còn nghi ngờ chi nữa.

Đạo Phật thời không thế, Phật có ngọn đuốc quang-minh, để soi sáng cho người ta, Phật có cành phan tiếp dẫn, để chỉ lối cho người ta, Phật có tiếng chuông chiêu mộ, để đánh thức giấc ngủ mê-mạn, Phật có giọt nước dương-chi, để tưới tắt lửa lòng phiền não, bài diễn văn cụ Thượng

Phan-dình-Itôa đọc lại chùa *Cổ*. « *Phật-giáo có đủ cả tính thần tự-do, bình-dẳng, bác-ái và chính-trị, lại giúp ngấm về việc trị-an cho thiên-hạ* ». Vậy đủ rõ đạo *Phật* có thực-tế, chẳng như thuyết thần-liên.

Thưa các ngài, chỉ nhân cái cảnh núi với chùa, chùa với núi, tôi dẫn ra một chữ « *Tiên* », thành rồi ra một đoạn so sánh lời thôi, cơ hồ lạc mất đầu đề, nay xin mời các ngài cùng tôi trở lại chùa *Sơn-thủy*.

(Còn nữa)

NHÂN-VÂN-ĐÌNH THAM-THIÊN THI-THẢO

閒雲亭參禪詩草

(Tiếp theo)

9. — Động Lữ-sơn

呂山峒

Nước Lữ non Lữ, khoảng giữa có động, mùa đông thì rét, mùa hạ khách đến chơi mát và hành-hương khá vui. Ngay bên động có cái má khách Ngô. Thuộc thôn Thượng-xá, huyện Nghi-lộc, Nghệ-an.

呂	山	呂	水	峒	中	生
壁	立	嵯	呀	削	不	成
佛	擁	香	魂	燈	半	座
鬼	敲	殘	骨	月	三	更
蒸	冬	客	匪	拋	寒	殿
長	夏	吾	騰	避	暑	亭
莫	是	桃	源	漁	子	問
覺	裳	何	處	玉	聲	聲

DỊCH NGHĨA:

Nước non non nước hữu-tĩnh,
 Cõi hang vách dựng tranh-vanh ngất trời.
 Ngọn đèn thờ Phật nơi nơi,
 Canh thâu tiếng quỉ dọa người gớm thay.
 Mùa đông chill ghét hơi may,
 Mà ta mùa hạ chơi đây thì vừa.
 Đáo-nguyên ngư-phủ ngày xưa,
 Nghệ-thường khúc hát tiếng đưa vẫn gần.

10. — Động Hồng-linh

鴻 嶺 嗣

Núi Hồng-linh có 99 ngọn, ở gần bờ, giáp-giới hai tỉnh Nghệ và Tĩnh. Trước gọi là núi Phượng-hoàng, tương truyền rằng xưa có 100 con Phượng-hoàng tự Tàu sang đó, chỉ hiềm vì 1 con còn thi u chổ đó, nên cùng nhau lại bay về Tàu. Nay gọi là Hồng-linh, vì núi có nhiều chim hồng. Ngọn núi ở giữa cao nhất, trong có động gọi là Hương-tích, có tiếng danh-lam cũng như Hương-tích ngoài Bắc. Cuối triều Lê cụ Nguyễn-Du làng Tiên-diễn thường săn bắn ở đó.

聞	道	仙	田	獵	此	山
我	來	一	賞	上	櫃	廡
重	重	海	接	涵	天	際
九	九	峯	確	折	地	間
鴻	爪	痕	留	青	樹	老
鳳	翎	響	動	白	雲	閑
深	深	香	峒	從	中	出
暗	落	疏	鐘	午	夢	寒

DỊCH NGHĨA :

Cụ Kiền khi trước săn đây,
 Lên non ta thử ngày nay xem nào.
 Nuốt trời sóng bề ào-ào,
 Chín mươi chín ngọn, ngọn nào ngọn cao?
 Cây xanh còn vết hồng-mao,
 Máy bay lơ-lửng phượng nào có chi.
 Hang đây sẵn cửa từ-bi,
 Hồi chuông đừng ngo đòi khi giật mình.



« THUỐC THÁNH ĐỀN BIA »

Cái tục xin thuốc thánh ở đền Bia, làng Nghĩa-phù, huyện Cẩm-giang, Hải-dương, là nơi cổ-hương chỗ di-tích của Tuệ-tĩnh Thiên-sư, một nhà Tồ-sư về thuốc nam rất danh tiếng từ xưa, nay lại phục-hưng lên từ vài tháng mới đây và đang thịnh lắm.

Các ngã đường ở các hạt, các tỉnh về Cẩm-giang, như phía đông thì đường tỉnh thành Hải-dương, đường phủ Nam-sách, phía tây thì đường phủ Thuận-thành, phía bắc thì đường huyện Lang-tài, huyện Gia-binh, người đi xin « thuốc Thánh » già trẻ gái trai lũ lượt suốt ngày, đông bằng số người đi trải hội đền Kiếp-bạc.

Những người đi xin « thuốc Thánh » ấy ta trông thấy là biết ngay, là hoặc gánh, hoặc đội, ngoài lẽ vật ra tất có một mớ lá cỏ tươi loi-thoi bẻ từ nhà mang đi. Những lá cỏ thì như lá tre, lá vối, lá kinh-giới, cành xương rồng, lá ổi, lá quèo v. v. và một vài cái chai không để xin nước.

Đền Bia ở ngoài đồng đầu làng Nghĩa-phù, truyền rằng đó là chỗ dựng cái bia của Tuệ-tĩnh Thiên-sư nhưng nay bia không còn mà đền thờ thì ở trong làng, chứ ở đây thì chỉ có một cái bệ đất lộ thiên ở trên cái đồng mà thôi.

Trước kia, người xin thuốc Thánh thì rút lấy những cái lá cỏ ở đồng nơi đền Bia, đặt lên bệ khấn vái xin Thánh linh ứng cho rồi đem về sắc uống. Nhưng nay ở đồng ấy bị rút trụi hết lá cỏ, nên kẻ xin thuốc phải đem lá cỏ từ nhà đi. Sợ lá cỏ ở nhà đem đi không phải giống mọc ở liuh-địa, người ta bèn khấn Thánh mà đem lá cỏ ấy nhúng xuống nước ở cái giếng bên bệ đền Bia gọi là « tắm nước Thánh », và lấy chai mộc lấy nước giếng ấy, nước thời đất sét đục màu hoe vàng, gọi là « Nước Thánh » để đem về sắc với lá cỏ đã xin ấy mà uống.

Lá cỏ đã tắm nước Thánh rồi, người ta đặt theo với lễ vật lên cái bệ đất ấy làm lễ khấn vái và xin « âm-dương », âm-dương có được thì bệnh mới khỏi. Kẻ có bệnh không có thể đến nơi xin được thì nhờ người khác xin cho, nhưng tự kẻ ấy phải rất thành tâm tin cậy. Khi uống thuốc phải thấp hương kêu khấn rồi mới được uống. Bệnh đau mắt

thì đem cành xương rồng đã làm lễ rồi nường chín vắt lấy nước rỏ vào mắt, còn các bệnh khác thì đại khái lấy ở trong các thứ lá đã kê trên mà tùy ý kể đi xin chọn lấy.

Người đến xin thuốc Thánh, từ cuối tháng ba thì còn lác-đác, mà từ mồng một tháng tư, sau khi làng ấy làm lễ rước Thánh xong thì ngày càng đông lắm. Chỗ đóng đền Bia không đủ cho người ta đứng lễ, có nhiều người đi từ một hai ngày đường đến, ngày có tới vài ba nghìn người, hàng-quán đến bán đông lắm, thành một nơi hội hè rất náo nhiệt. Ngồi xe ở Hải-dương đi Hanoi đến chỗ ga Cao-xá trông về mé bắc thấy một đám lửa khói nghi ngút như cháy nhà ấy là chỗ đền Bia, họ đang đốt giấy vàng cúng Thánh-xu thuốc đó.

Thuốc Thánh lại rất kỳ với thuốc bắc, người ta nói có kẻ đem đơn thuốc bắc và thuốc bắc đến cầu xin, thì đơn bị cháy thuốc bị đổ hết đi. Vì thế các thầy lang, các hàng thuốc bắc ở chợ Phú-lộc, ở vùng Cầm-giàng, ở hạt Nam-sách không ai hỏi đến bị đói nhăn-nhó cả, hiệu thuốc bắc Nam-thiên-đường ở chợ Huyện, chủ là chủ khách vì không tranh được mỗi hàng với Thánh phải bán cả giao cầu ở thuốc để về quê.

Việc xin « thuốc Thánh » nay đang thành một phong-trào lớn, người các hạt quanh vùng đó ngồi đâu cũng chỉ câu chuyện « thuốc Thánh » đền Bia là vui hơn, người ta còn đoán cuộc với nhau có nhiều câu chuyện linh nghiệm kỳ-dị nữa, như có người bị mù lâu năm nay dùng « thuốc Thánh » đã trông thấy lờ-mờ.

Ấy cái phong-trào « thuốc Thánh đền Bia » ở Hải-dương hiện đang náo-nhiệt là như thế. Chúng ta nghiên-cứu về Phật-học là một khoa học lấy lẽ chân-thực để tìm nơi giác-ngộ, mà y-được lại là một khoa chính trong năm khoa học Ngũ-minh 五明 của đạo Phật, vậy đối với việc này ta há lại diềm-nhiên không bàn luận đến.

Nguyên cái tục xin « thuốc Thánh » ở đền Bia này, có đã lâu đời, không phải mới tự ngày nay. Trên đầu bài đã nói làng Nghĩa-phù là nơi cổ-hương chỗ di tích của một nhà Tồ-sư về thuốc nam rất có danh-tiếng từ xưa. Đủ đủ thấy cái nguyên-nhân của tục xin thuốc Thánh ở đền Bia này rồi.

Cứ sách Địa-dư Cầm-giàng của quan Huyện Ngô-vi-Liền đã chép thì Tuệ-lĩnh Thiên-sư trước đã đỗ Tiến-sĩ rất tinh thâm về y-lý mà chuyên nghiên-cứu về thuốc nam, đệ chữa bệnh cứu người rất là thần hiệu. Ngài có làm ra bộ sách *Nam-dược thần-hiệu* 5 quyển và bộ sách *Thập-tam phương gia giảm*. Hai bộ sách ấy đều đã xuất bản và còn truyền đến nay. Lại đền thờ Tuệ-lĩnh Thiên-sư ở trong làng có đôi câu đối:

名魁二甲標陳暨

Danh khôi nhị giáp tiêu Trần-giám

使命十全醒北醫

Sứ mệnh thập toàn tỉnh bắc-y.

Nghĩa là : Tuệ-lĩnh Tiên-sinh do chân Giám-sinh nhà Trần mà thi đỗ đầu bằng nhị-giáp Tiến-sĩ. Khi phụng mệnh của nước đi sứ sang Tàu giữ được quốc thể mười phần toàn vẹn, về ý-lý thì lại đả-mạt luận khiến các thầy thuốc bên Tàu đều tỉnh biết những chỗ mơ mộng.

Coi đó thì Tuệ-lĩnh Tiên-sinh có đi sứ sang Tàu mà môn thuốc nam của Tiên-sinh đã lừng lẫy ngay ở hiện thời, lừng lẫy đến cả bên Tàu. Cũng vì thế mà đời truyền rằng người Tàu thấy môn thuốc nam của Tuệ-lĩnh Tiên-sinh thần hiệu, người nam tin theo nhiều lắm, thuốc bắc của họ đến bị ế không bán sang nước Nam được, nên họ giữ Ngài ở lại đất Tàu, rồi mất ở bên ấy. Sau có người đi sứ sang Tàu, qua chỗ Tuệ-lĩnh Tiên-sinh ký ngụ và thác, thấy có cái bia của Ngài để lại, người ấy bèn chở bia ấy về mà dựng ở đầu làng Nghĩa-phủ nơi cố-hương Ngài, tức là chỗ đền Bia bây giờ.

Do cái tiếng thuốc nam của Tuệ-lĩnh Thiên-sư linh nghiệm, người đương thời được nhờ ơn tránh thoát khỏi bệnh-hoạn nhiều lắm, nên sau khi Thiên-sư mất rồi, có kẻ bị bệnh mà tính hay mê tín bèn đến chỗ cái bia ấy khấn cầu xin thuốc và rút lấy cái lá cái cỏ ở chỗ chân bia về uống. Bọn hiểu-sự bèn đem việc đó mà phao-truyền đi và rải bia đặt thêm vào cho nhiều người tin theo, cái tục mê-tín cầu « thuốc Thánh đền Bia » bắt đầu thịnh từ đó, từ xưa đến nay mỗi đời lại nổi lên một hồi. Các triều vua có hồi đã phải cấm vì bọn mê-tín làm nhiều điều nhảm nhi

quả như dùng phù trú và những chất mộc thạch có độc. Khách đến lễ-bái xin thuốc đông, từ kẻ bán hàng, kẻ chở dò, dân anh lang thì thu lễ dù liêm đến đâu cũng vẫn có lợi, năng nhặt chặt bị, cho nên mỗi khi tục xin « thuốc Thánh » nổi lên không thể nói là không có cái tay thò-chuọc giắt máy ngầm ở trong. Tức như năm nay, người ta nói chính từ sau ngày đông một tháng tư làng rước Thánh rồi khách đến lễ xin thuốc mỗi ngày thêm đông.

Nay xét ra ở thế-kỷ hai-mươi, khoa y-học phát-minh chân lý, thần kỳ mà hiện thực này, mà cái tục xin « thuốc Thánh » ấy lại còn sống lại được là vì những lẽ sau này :

1^o Tuy đời là đời khoa-học mà người dân quê ở nước ta thực chưa hề được chịu chút ơn-huệ gì về học-vấn của khoa-học, óc họ không khác gì người đời thái cổ.

2^o Đời đang bị khủng-hoảng về kinh-tế, người ta không đủ dưỡng-sinh, bệnh-tật càng nhiều, thuốc lại đều mua ở nước ngoài, giá cao mà ít hợp bệnh-tình, mà dân cũng lại không có tiền mà mua những thứ thuốc cao qui ấy.

3^o Các thầy thuốc người mình hai phái mới cũ, học vấn và nghệ-thuật đều không đủ cho người ta tin cậy.

4^o Dùng « thuốc Thánh » nó có cái khoái-y là thuốc nam cũng hay lắm, không mất tiền mua mà cũng có bệnh khỏi. Sự khỏi được bệnh, một là do ở cái tâm-lý thành-tin của kẻ uống thuốc, tức là cách tự chữa bệnh bằng tâm-lý. Một là những lá như lá tre, lá vối, lá kinh-giời tức là những thứ thuốc vườn, bệnh nào hợp với nó có thể khỏi được.

Ấy vì bốn cơ ấy mà cái tục xin thuốc Thánh đền Bia là tục mê-tín nhảm-nhi ngày xưa, nay lại phục-hưng lên là thế. Tuy thế nhưng cái tục dùng thuốc bậy bạ ấy thực tệ hại vô cùng. Tuệ-tĩnh Thiền-sư để lại cho đời sau bộ sách *Nam-dược thần-hiệu* là dạy cho đời sau nên làm thuốc nam theo phương-pháp chân thực ấy, chứ Thiền-sư có dạy người đời cách nhảm-nhi ấy đâu. Hàm-mộ môn thuốc nam của Thiền-sư, không biết nghiên-cứu đến sách vở của Thiền-sư mà lại cầu Thiền-sư ở chỗ mê-tín mơ-màng. Ôi,

dù biết trí-tuệ của chúng-sinh trong nước mình còn hèn-muội lắm.

Vì nghệ-thuật, vì kinh-tế của nhân-dân, đổi cái phong-trào mê-tín thuộc Thánh này ra cái phong-trào chính-tín thuộc nam. Xin hỏi trong y-học giới tân cựu nước ta hiện nay, có ai dám nhân dịp này mà đương lấy trách-nhiệm ấy, làm nên công-đức ấy không?

NGUYỄN-TRỌNG-THUẬT

TRUYỆN ÔNG LÔ-CHÍ TRƯỜNG-GIA

(Vua Đế-thích Hóa-thân bị kiện)

(Tiếp theo)

Lúc ông Lô-chí ở tha-ma mới hơi tỉnh rượu, chân nam đá chân xiêu, khập-khuởng về đến ngõ, không hiểu ra sao, thấy những hàng rào người vây vòng trong vòng ngoài kín mít như nêm cối, không còn lối nào chen vào nữa, lại nghe thấy tiếng đàn phách ở trong nhà, ông lấy làm ngạc nhiên sợ hãi vô cùng, đứng ngần người ra, trong bụng nghĩ rằng : Quái! hay là vua ghét mình bỗng sên, nên nay sai quan quân về vây cướp của mình hẳn? Hay là hôm nay là đại hội, các người này họ vẫn nghe tiếng ta giàu có mà họ lại làm gì nào nhiệt thế này? Hay là giới thương ta khó nhọc khổ sở gây nên cái cơ nghiệp này, nay lại giúp thêm cho ta chăng? nên mới có ca nhạc chứ. Thôi hồng rồi! Có lẽ người nhà ta họ phản ta rồi, họ dận ta xưa nay khắc khổ bạc đãi họ, hôm nay nhân ta đi vắng, họ phá cửa lấy của kho ra phung phí tiêu dùng với nhau hẳn không sai. Ông liền nói với công chúng rằng : « Tôi nhờ các ngài răn ra tôi nhờ một tí; không biết sao nhà tôi xảy ra cơ sự này! » Bấy giờ ông cố sức chen vào, vào đến cổng trong cùng thì thấy đóng rất chặt. Ông gọi tên hết mọi người cũng không qua một người nào thừa cả, vì trong nhà đàn hát kể đi người lại tấp nập thành ra không ai nghe tiếng gọi cả. Duy có ông Lô-chí giả (ông Đế-thích) bảo công chúng rằng : Hãy im lại một tí xem sao, hình như có ai gọi ngoài cửa ấy, ta nghe gọi rõ tên các người lắm, ra xem, hãy là cái ma sên

nó lại về đấy, cứ ra mở cửa xem. Cửa mở ra, ông Lô-chí vội vàng chạy thẳng vào nhà trong, người nhà nhận rõ là ma sên lại đến, người nào người ấy mặt tái hẳn đi, có người vội kêu lên : Ôi ma nó lại vào ; ma nó lại vào rồi ! Cả nhà trốn chạy. Ông Lô-chí trông lên thấy một người giống hệt như mình ngồi đũa, mẹ ngồi một bên, vợ ngồi một bên, ăn mặc cực kỳ xa xỉ, coi rất tôn nghiêm, đàn phách hát xướng ăn uống vui vầy, coi có vẻ tự nhiên lắm. Ông Lô-chí ngạc nhiên hỏi : Người là ai ? Ở đâu mà dám cả gan vào nhà ta hoành hành phung phá thế này ?

Ông Đế-thích mỉm cười, đáp rằng : Ngày hôm nay người nhà mới nhận rõ ta. Bấy giờ người nhà hỏi ông Lô-chí rằng : « Người là gì ? »

— Tôi là Lô-chí, chứ ai.

Người nhà thấy ma-sên nói đúng như tiếng người, bấy giờ mới hơi hoàn hồn, xúm lại xem cái ma sên giả danh là Lô-chí, bên cùng nhau chỉ vào ông Đế-thích (Lô-chí giả) nói : Đây mới chính là ông chủ nhà chúng ta. Ông Lô-chí hỏi : « Thế ta đây là ai ? »

— Người nhà đáp : Coi ông cũng giống hệt như ông chủ, nhưng chính người là ma sên, — ông Lô-chí cãi : Ta có phải là ma sên đâu, chính ta là Lô-chí mà các người lại nhận nhầm, các người thử xem kỹ xem. Ông lại chạy lên nhà chỉ vào bà mẹ nói : Đây là mẹ ta.

Chỉ vào anh nói : Đây là anh ta.

Chỉ vào em nói : Đây là em ta.

Chỉ vào vợ nói : Đây là vợ yêu của ta.

Chỉ vào con nói : Đây là con quý của ta.

Các đứa ở con đòi đây đều là thủ hạ ta. Còn người ngồi kia hình giáng giống ta, nhưng đây chính là người ngoài, diện mạo giống ta, nhưng chính là người giả dối huyền hoá chứ không phải thật. Từ bé đến giờ biết bao nhiêu công khó nhọc đắng cay của ta, hai bàn tay trắng gây thành cái cơ nghiệp thế này thật không phải là dễ, bỗng chốc người ở đâu dám cả gan vào phá tan của cải, làm rối loạn lòng người. Tuy ông nói thế nhưng không qua ai tin ông cả.

Ông Đê-thích hỏi bà mẹ rằng : nay hai người chúng con đây có giống nhau không ? - Bà mẹ đáp : « Cái thằng quỷ kia tuy nó giống con như lột thật, nhưng mẹ xem con biểu thuận, đức lòng thành kính thờ phụng mẹ, con chính là con của mẹ, còn thằng kia nó chính là quỷ đấy. Nếu cả hai người cùng hiếu thảo cả thì mẹ không thể phân biệt được, nhưng nay con thì hiếu thảo, mà thằng quỷ kia thì bội nghịch, nên mẹ quyết con là con của mẹ. Bà lại quay lại gọi rằng đầu bảo : Kia người kia họ bảo họ là chồng chị đấy, sao không bảo người nhà ra mà ôm lấy. Người vợ thẹn đỏ mặt lên, hăm hăm chạy ra chỉ vào mặt ông Lô-chí nói : Là thật ! Cái quỷ ở đâu nó vào đây thế này, mà nó không đi ngay đi, đi, đi. Ai là vợ con mày, đi, đi thằng. (Thật là bé cái nhảm).

Người vợ liếc mắt nhìn ông Đê-thích nói : Thà rằng thiếp chết ở bên người còn hơn chứ thì không sống ở bên thằng quỷ sên ấy.

Ông Đê-thích trông tất cả mọi người, nói : Bây giờ các người đã công nhận chính ta là Lô-chí (thật là cả nhà bị nhảm) thế sao lại còn để thằng quỷ sên kia nó quanh quẩn ở trong nhà mãi. Cả nhà nghe dốt lời hăm hăm chẳng nói chẳng rằng, xúm nhau lại lời tuột ông Lô-chí ra mãi ngõ ngoài, ở đằng sau lại có mấy người vác gậy góc ra đánh túi bụi xua đuổi đến nỗi ông không dám quay cổ lại. Ông bị người nhà đánh đuổi, thân thể đau đớn, một mình lẩn lóc lên đường, ngựa mặt lên gười kêu khóc rất là thảm thiết : « Giời ơi ! Tôi không ngờ cái thân tôi phải cơ cực đến thế này, tôi đã thay hình đổi lối gì đâu mà người nhà tôi nó vất bỏ tôi, nó dầy dọa tôi như thế này ! » Ông lại hỏi các người xóm riềng rằng : Nay các ông các bà ơi ! Từ bé đến giờ thân tôi vẫn là Lô-chí, diện mạo tôi bây giờ có gì là khác không ? Hay cách ăn nói cử chỉ tôi có biến cái gì không ? Ai cũng nói : — Không, trước kia người thế nào bây giờ cũng vẫn thế, không có tí gì là khác cả, — thế này tôi là ai đây ? mà người nhà tôi chúng nó không nhận tôi là Lô-chí ? Nó gọi tôi là ma sên, thế hiện nay tôi đã biến thành quỷ rồi có phải không ? Mà nay tôi muốn về nhà không có nhà, vậy giờ tôi biết nương tựa vào đâu bây giờ !

Thần ông lúc đó coi rất thảm hại, đầu phờ tóc rối, quần áo tả tơi, mặt mày nhem nhuốc, thật không khác chi người điên dại cả. Bấy giờ có nhiều người quen biết trông thấy nghĩ thương tình cảnh ông đương là một người giàu có nhất trong nước, mà nhất dân hóa ra người tay không, miếng ăn chẳng có, manh mặc thì không, không còn bầu bít vào đầu được nữa, lại dặt tay ông mà yên ủi rằng : Ông thật là Lô-chí, ông không nên lo sợ, không nên sầu não, chúng tôi đây đã tìm được một phương pháp có thể cứu giúp ông. Mãi hồi lâu ông nghe trong mình tâm thần mới hơi hồi tỉnh, bèn hỏi mọi người rằng : Các ngài có thể làm chứng hộ tôi được không ?

— Được, chúng tôi xin hết lòng giúp, xin làm chứng cho ông chính thật là Lô-chí ; thế bây giờ chủ ý ông định thế nào, ông cho chúng tôi biết ?

— Tôi định sáng sớm ngày mai đem việc này tâu vua, vậy xin phiến các ngài đến làm chứng hộ tôi.

Sáng hôm sau ai ai cũng đều sắp sửa dự bị đồ hành-lý để đi làm chứng cho ông. Song ông lúc đó hình như ai thu mất cả hồn vía, thành ra người như dại như điên, không thiết gì đến việc kêu vua nữa, mọi người lại dục thúc ông : Đã đến giờ đi rồi mà sao ông còn thủng-thỉnh thế ?

— Thật không còn ai cơ cực như tôi bây giờ, trong tay có hàng ức hàng triệu mà bây giờ muốn tiêu một đồng không được.

Các ngài có phương kế gì hoặc vay mượn giúp tôi được thì tôi cảm ơn vạn bội, xong việc kiện này tôi xin nói truyện lại, xin hậu tạ các ngài.

— Việc đó không lạ, chúng tôi xin giúp được ; ngoài tiền tài ra, ông còn cần dùng vật gì, chúng tôi cũng xin hết lòng giúp đỡ, — nếu được thế thì còn gì hơn, tôi vẫn định nói với các ngài nhưng lại sợ không dám nói ra. Vậy xin nhờ các ngài giúp cho lấy hai cây nhưng thật tốt giá độ già nửa lạng bạc, các ngài giúp cho chu tất để tôi đem của quý ấy dâng vua. Ai nghe cũng cười thăm, tùm tùm khẽ bảo nhau rằng : « Trước kia ông ta coi đồng tiền quý hơn thân mạng mà nay lại khảng khái như thế, ra dáng một ông đại

thi chủ, dăm vất ra một lúc ngót một lạng bạc, vả lại trước kia ông ta có coi ai ra gì đâu, bây giờ bị người nhà xua đuổi, mới cầu cứu đến mọi người thương xót giúp đỡ. Tuy cười vậy, song ai ai cũng đều lấy lòng nghĩa hiệp giúp đỡ cho ông.

(Còn nữa)

TRÍ-HẢI dịch

MỪNG CHI-HỘI PHẬT-GIÁO HẢI-HẬU

Vua Bảo-đại dương năm mươi một,
Tháng tư, mười tám là ngày tốt ;
Xã Quần-phương-hạ chùa Quy-bồn,
Hội Phật mở đây đặc địa thật !
Đúc tượng, đúc khánh, công-quả to,
Bên tăng bên tục tở như xô ;
Đi thuyền, đi xe, đi chân vĩa,
Ai cũng nhất tâm là Nam-mô !
Nam-mô Quá-khứ Phật ủng-hộ,
Ngọn đèn trí-tuệ soi sáng tỏ ;
Chứng cho hân-hội chóng mở mang,
Bước đường u minh phá tự đó !
Nam-mô hiện-tại Phật nhân từ,
Con thuyền tế-độ mái trèo đưa ;
Chứng cho người hội chóng khai-giác,
Vượt hẳn sông mê ra khỏi bờ !
Nam-mô Vị-lai Phật đồng-tất,
Tiếng chuông cảnh tỉnh vang trời đất ;
Chứng cho người hội chóng khai-thông,
Tỉnh, bỏ lòng tà giữ lòng thật !
Nam-mô tam-thế đại chứng-minh,
Cao-thâm xa đáng một tấc thành ;
Tần-hải mà nay ra Giác-hải,
Gió thông, mưa trúc, truyền câu kinh.
Hỡi đồng-bào ta trong một huyện.
Từ, hi, hỉ, xả, ta phát nguyện :
Trên nhờ Trung-ương giúp sức cho,
Dưới bà con ta thêm mãnh-miền !
Chớ rằng cửa Phật ngại-ngùng xa,
Con tiên cháu rồng thế mới là,

Kỷ niệm ngày nay ngày thành-lập,
Còn trời còn đất còn hội ta.

2

Lễ chùa Một-cột

(Mỗi câu có con số từ 1 đến 10, để chơi chữ một)

Dĩa chiếc ao sâu một ngọn chùa,
Hai chiều hương lửa sớm cùng trưa;
Tứ bi Phật đứng thầy ba cõi 三界大師
Thanh tịnh sư quen cảnh bốn mùa.
Năm giới dữ-din câu luật cũ,
Sáu căn vợ-vân cái đời xưa.
Này thân bầy thước ta cầu nguyện,
Tám chín mười mười, tuổi có thừa.

NHÀN-VÂN-ĐÌNH

Lại một chi-hội Phật-giáo nữa ở huyện Nam-trực (Nam-định) thành-lập

Hôm 17 tháng 5 ta tức là 6 Juillet 1936, chi-hội Phật-giáo Tây-lạc (huyện Nam-trực, Nam-định) làm lễ thành-lập. Hôm ấy cụ lớn Hiệp Chánh Hội-trưởng vì trong mình còn nhọc không đi được có ủy mấy ông hội-viên trung-ương và mấy vị tăng đi chứng nhận sự thành-lập của chi-hội ấy.

Ô-tô ở Hanoi xuống sang khỏi bến dò quan thì đã có một vị hội-viên trong chi hội là viên Phó-tổng Tây-lạc đứng đón tại đấy, lại được gặp cả Cụ Thượng Phan-dinh-Hoè là chánh đại-lý chi hội Nam-định cũng đợi ở đấy để cùng đi. Đứng 10 giờ rưỡi đến chùa Tây-lạc là nơi hội-quán tạm thời của chi hội ấy. Viên chánh đại-lý chi hội ấy là ông Vũ-nghĩa-Thuận đứng nói mấy lời khai-mạc. Ông Lê Dư đáp lại tỏ ý hoan-hỉ chứng nhận sự thành-lập của chi hội ấy. Kế đến sư cụ Trung-hậu, giám-viện chùa Quán-sứ nói ít câu mừng chi hội mới thành lập và giới-thiệu sư ông Lai ra thuyết-pháp. Tiếp lời cụ giám-viện, sư ông Lai giảng thuyết về giáo-lý đạo Phật, chỉ những chỗ phù-hợp với Nho-giáo và rất có bổ ích cho thế-đạo nhân-tâm. Kế đến ông Cử Dương bá-Trạc diễn-thuyết nói những giáo-nghĩa quan thiết với nhân-sự trong Phật-giáo và kể qua lịch-

sứ Phật-giáo truyền-bá ở nước ta, sau nói đến Phật-giáo ở nước ta ngày nay vì những cơ gì mà cần phải chấn-hưng, một là vì phong-trào vật-chất làm bại-hoại mất cả nhân-tâm phong-tục, phải chấn-hưng Phật-giáo để vẫn hồi, hai là Hán học một ngày một hết, cái tinh-thần nho-giáo, phải chấn-hưng Phật-giáo để duy-trì, ấy tức là cái tôn-chỉ hội Phật-giáo vậy, kết lại, khuyên các giáo-hữu nhận định cái tôn-chỉ đó, mà tinh-tiến thực-hành cho đạt tới mục-đích của hội Phật-giáo mình. Cụ Thượng Phan-dinh-Hoè cũng nói mấy lời ngợi khen các hội-viên trong chi-hội mới có nhiệt-tâm tổ chức thành hội và khuyên nên kiên nhẫn trì cố cho được càng ngày càng bền vững, càng khoáng-trương. Cụ chỉ vào cái tràng-phan ở trước Phật-tòa có bốn chữ «Thường-lạc ngã-tĩnh» mà nói: chúng ta phải trước cố làm lấy được một chữ «thường» trong bốn chữ này của nhà Phật.

Trong các quan khách đến dự lễ có cả quan huyện sở tại Nguyễn Giảng, quan nguyên Thương-tá Hưng-yên Trần-văn-Lan, quan nguyên tri-phủ Bình-giang Nguyễn-hữu-Mậu và mấy vị hội-viên chi hội huyện Nam-trực. Quan Thương Trần-văn-Lan là chánh đ. i-ly chi hội huyện Nam-trực cũng nói mấy lời mừng chi-hội mới và đem chữ «thường» làm một chữ chân-ngón bất dịch để anh em trong hai chi hội huyện hạt nhà cùng đ.ôn đ.ốc c.ình sách nhau.

Vịnh cảnh chùa Hào-xá

Chùa đầu trông thấy ngắt bờ sông,

Cổ phủ chùa Hào ở đấy không.

Mưa gió vẫn trơ nền tháp báu.

Kệ kinh còn lờn liếng chuông đồng.

Dân thờ đức T.ồ rừng cây trúc, (1)

Tặng đội ơn Vua sắc giấy rồng. (2)

Du-sĩ liện đ.ương qua vãn cảnh,

Nghè câu thuyết-pháp linh-tao lòng.

Du-sĩ ĐINH-TU

(1) Chùa Hào cũng thờ đức T.ồ Trúc-lâm đệ nhất.

(2) Vị tăng trụ trì chùa Hào ngày trước thi đỗ được sắc T.ặng-phó.

PHẬT-HỌC TỪ-ĐIỂN TẬP-YÊU

佛學辭典輯要

Bát-vị-thai-tạng 八位胎藏. — Tám ngôi về tám thời kỳ của đũa tiêu nhi ở trong thai mẹ : Trong bảy ngày sau khi thụ thai gọi là *Kiệt-la-lam* 羯羅藍 (Kalala), nghĩa là nó còn bầy nhầy. Hai số bảy ngày sau khi thụ thai, hình nó như cái mụn lở, gọi là *Ngạch-bộ-dâm* 額部曇 nghĩa là *cái bong mụn lở*. Sau khi thụ thai, ba số 7 ngày hình nó như cục máu tụ lại gọi là *Bế-hộ* 閉戶 (Pesi), nghĩa là *tụ huyết*, hay là *cục thịt*. Sau khi thụ thai, bốn số 7 ngày, nó dần dần lại rời mới có hai căn thân và ý mà chưa đủ bốn căn là nhỡn, nhĩ, tị và thiệt, gọi là *Kiên-nam* 健甯 (Ghana) nghĩa là *đồng đực*. Sau đó năm số 7 ngày khối thịt ấy nảy nở ra và hiện thành tứ-chi cùng thân-thề, gọi là *Bát-la-xa-khư* 鉢羅奢佉 (Prasakha) Sau đó sáu số 7 ngày thì mọc lông, tóc, móng, răng, gọi là *kỳ mọc tóc*. Sau đó bảy số 7 ngày, bốn căn nhỡn, nhĩ, tị và thiệt đầy đủ cả, gọi là *kỳ đủ căn* (根位). Sau đó tám số 7 ngày hình tướng đều đủ ở trong thai tạng rồi, gọi là *kỳ thành hình* 形位.

Bát-nhãn 八忍. — Xuất tam-giới đều nhờ tám điều nhẫn mà chứng được trí-tuệ, mà tám điều nhẫn ấy lại đều phải do pháp trí-tuệ để mà làm : Về cõi dục-giới, làm theo tứ đế gọi là *tứ-pháp-nhãn* 四法忍 : 1° *Khô-pháp-nhãn*, 2° *Tập-pháp-nhãn*, 3° *Diệt-pháp-nhãn*, 4° *Đạo-pháp-nhãn*. — Về hai cõi sắc-giới và vô-sắc-giới, làm theo pháp tứ đế gọi là *Tứ-loại-nhãn* 四類忍 : 1° *Khô-loại-nhãn*, 2° *Tập-loại-nhãn*, 3° *Diệt-loại-nhãn*, 4° *Đạo-loại-nhãn*. — *Đạo-bát-nhãn* này đoạn trừ được những ý-kiến sai lầm ở tam-giới mà xem xét được sáng suốt thành ra *bát-tri* (八智). Vậy *bát-nhãn* là nhân, *bát-tri* là quả.

Bát-nhãn, bát-tri 八 忍 八 智. — *Bát tri do bát nhãn mà ra, đều theo về phép tứ-đế. Bát-nhãn tức là Tứ-pháp-nhãn và Tứ-loại-nhãn, xem điển Bát-nhãn ở trên. Còn bát-tri tức là Tứ-pháp-tri 四 法 智 và Tứ-loại-tri 四 類 智. Tứ-pháp-tri là: 1^o Khổ-pháp-tri, 2^o Tập-pháp-tri, 3^o Diệt-pháp-tri, 4^o Đạo-pháp-tri. Tứ-loại-tri là: 1^o Khổ-loại-tri, 2^o Tập-loại-tri, 3^o Diệt-loại-tri, 4^o Đạo-loại-tri. Bát-nhãn, bát-tri hợp làm thập lục tâm 十 六 心.*

Bát-Phật 八 佛. — Tám vị Phật: 1^o Đông-phương Nan hàng-phục thế-giới chí thiện-thuyết sung công-đức Như-lai 東 方 難 降 伏 世 界 之 善 說 稱 功 德 如 來. 2^o Đông-phương vô chướng-ngại thế-giới chí nhân dà-la-tràng-ling vương Như-lai 東 方 無 障 礙 世 界 之 因 陀 羅 幢 星 王 如 來. 3^o Đông-phương ái-lạc thế-giới chí phổ quang-minh công-đức trang-nghiêm Như-lai 東 方 愛 樂 世 界 之 普 光 明 功 德 莊 嚴 如 來. 4^o Đông-phương phồ-nhập thế-giới chí thiện dẫu chiến, nan hàng-phục, siêu-việt Như-lai 東 方 普 入 世 界 之 善 鬪 戰, 難 降 伏, 超 越 如 來. 5^o Đông-phương tịnh-tự thế-giới chí phổ công-đức, minh trang-nghiêm Như-lai 東 方 淨 聚 世 界 之 普 功 德 明 莊 嚴 如 來. 6^o Đông-phương vô độc chủ thế-giới chí vô-ngại dục thụ công-đức sung Như-lai 東 方 無 毒 主 世 界 之 無 礙 樂 樹 功 德 稱 如 來. 7^o Đông-phương trắc tắc hương mãn thế-giới chí bộ-bảo-liên-hoa Như-lai 東 方 側 塞 香 滿 世 界 之 步 寶 蓮 華 如 來. 8^o Diệu-âm minh thế-giới chí bảo-liên-hoa thiện-trụ xa-la Thu-vương Như-lai 妙 音 明 世 界 之 寶 蓮 華 善 住 沙 羅 樹 王 如 來.

Bát-tà 八 邪. — Trái với bát chính đạo: *Tà kiến* 邪 見, *tà tư-duy* 邪 思 維, *tà ngữ* 邪 語, *tà nghiệp* 邪 業, *tà mệnh* 邪 命, *tà phương tiện* 邪 方 便, *tà niệm* 邪 念, *tà định* 邪 定.